Quyển 32 (Kinh số 905 - 918)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

QUYỂN 32 955

QUYỂN 32 905. NGOẠI ĐẠO CHẤT VẤN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp2 và Tôn giả Xá-lợi-phất3 đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, có rất nhiều tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợiphất, sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi sang một bên rồi nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai còn có sanh tử ở đời sau không?4

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này các ngoại đạo! Thế Tôn không tuyên thuyết về điều này.

Các ngoại đạo lại hỏi:
Thế nào, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất? Như Lai không có sanh tử ở đời sau phải không?
Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:
Này các ngoại đạo! Thế Tôn không tuyên thuyết về điều này.
Các ngoại đạo lại hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai vừa có sanh tử ở đời sau vừa không có sanh tử ở đời sau phải không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: - Thế Tôn không tuyên thuyết về điều này! Các ngoại đạo lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Như Lai chẳng phải có sanh tử ở đời sau, cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này các ngoại đạo! Thế Tôn không tuyên thuyết về điều này.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.905. 0226al3. Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100.120. 0419a03; s. 16.12 - II. 222. 2 Ma-ha Ca-diếp Mahākassapa. 3 Xá-lợi-phất Sāriputta. 4 Nguyên tác: Như Lai hữu hậu sanh tử Hoti tathāgato parammarana'. Như Lai có tồn tại sau khi chết không?

956 KINH TẠP A-HÀM

Các tu SĨ ngoại đạo lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Vì sao đối với những câu hỏi của chúng tôi: "Nhu Lai có sanh tử ở đời sau; không có sanh tử ở đời sau; vừa có sanh tử ở đời sau vừa không có sanh tử ở đời sau; chẳng phải có sanh tử ở đời sau, cũng chẳng phải không có sanh tử ở dòi sau" thì Tôn giả đều đáp: "Thế Tôn không tuyên thuyết về điều này" Tại sao đã là một Thượng tọa mà lại mù mờ thiếu hiểu biết, không khéo biện giải, giống hệt trẻ sơ sinh chưa biết nhận thức vậy? Nói lời này xong, các ngoại đạo liền đứng dậy bỏ đi. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở cách Tôn giả Xá-lợi-phất không xa, mỗi vi đều ngồi bên gốc cây để tư duy thiền đinh thời ban ngày. Sau khi biết các tu sĩ ngoại đạo đã bỏ đi, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, thăm hỏi, khích lệ nhau xong rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất trình bày lại đầy đủ cuộc đàm luận với các tu sĩ ngoại đạo và kính thỉnh Ton giả Ma-ha Ca-diếp: -Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Do nhân gì, duyên gì mà Thế Tôn không tuyên thuyết về những điều: "Nhu Lai có sanh tử ở đời sau; Như Lai không có sanh tử ở đời sau; Như Lai vừa có vừa không có sanh tử ở đời sau; Như Lai chẳng phải có cũng chẳng

phải không có sanh tử ở đời sau” Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Nêu nói Như Lai có sanh tử ở đời sau thì đó chính là săc; nêu nói Như Lai không có sanh tử ở đời sau thì đó chính là săc; nêu nói Như Lai vừa có sanh tử ở đời sau vừa không có sanh tử ở đời sau thì đó chính là sắc; nếu nói Như Lai chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau thì đó chính là sắc. Với đấng Như Lai thì sắc đã diệt tận, tâm đã giải thoát hoàn toàn5 mà cho rằng Như Lai còn có sanh tử ở đời sau thì điều này không đúng; hoặc cho rằng Như Lai không có sanh 9 • tử ở đời 9sau; hoặc vừa có vừa không có sanh tử ở đời sau; y hoặc chăng phải có cũng chăng phải không có sanh tử ở đời sau thì những điêu này đều không đúng. Với đấng Như Lai thì sắc đã diệt tận, tâm đã giải thoát hoàn toàn, rộng lớn sâu xa, vô lượng, vô số, Niết-bàn tịch diệt. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu nói Như Lai có sanh tử ở đời sau thì đó chính là thọ, là tưởng, là hành, là thức, là chuyển động, là lo buồn, là hư dối, là hữu vi, là tham ái... (cho đếrỉ) Như Lai chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau, cũng nói như vậy. Với đấng Như Lai thì ái đã diệt tận, tâm đã giải thoát hoàn toàn mà lại nói Như Lai còn có sanh tử ở đời sau thì điều này không đúng; hoặc nói Như Lai

5 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Trong Tạp A-hàm, cú ngữ này còn được viết là "chánh giải thot"(,sammãvimuttà), chỉ cho việc giải thoát hoàn toàn (sammā). Trong Chủ giải Kinh Gilānā (Gìlãnasuttavanụanã), ngài Buddhaghosa giải thích rằng, 44tâm thiện giải thoát,9 chính là quả giải thoát của bậc A-la-hán (Arahattaphalavimuttiyã vimuttacittassà).

không có sanh tử ở đời sau; hoặc vừa có vừa không có; hoặc chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau, những điều này đều không đúng. Với đấng Như Lai, ái đã diệt tận, tâm đã giải thoát hoàn toàn, rộng lớn sâu xa, vô lượng, vô số, Niết-bàn tịch diệt. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì nhân như thế, duyên như thế, cho nên khi có người hỏi Thế Tôn về việc: "Nhu Lai có sanh tử ở đời sau, Như Lai không có sanh tử ở đời sau, hoặc vừa có vừa không có, hoặc chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau", Thế Tôn đều không tuyên thuyết. Sau khi hai vi Tôn giả luận đạo với nhau xong, mỗi vị trò về trụ xứ của mình. ***

906. CHÁNH PHÁP VÀ TƯỢNG PHÁP6 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang tru tại giảng đường Lộc Tử Mẫu ở Đông Viên,7 thuộc nước Xá-vệ. Sau giờ tọa thiền buổi chiều, Tôn giả đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Kính bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gì mà trước đây tuy Thế Tôn chế định ít giới điều cho các đệ tử,8 nhung có nhiều Tỳ-kheo vui thích tu tập; còn hiện nay tuy Thế Tôn chế đinh nhiều giới điều cho các đệ tử, nhưng lại có ít Tỳ-kheo vui thích tu tập?9 Đức Phật nói: Này Ca-diếp! Đúng như vậy. Vì thọ mạng ngắn ngủi, phiền não nhiễm 6, đời nhiều tai họa, chúng sanh xấu ác? nhận thức sai lầm và thiện pháp của chúng sanh tổn giảm. Cho nên, Đại sư vì các đệ tử mà chế định nhiều giới cấm, nhưng lại có ít người ưa thích tu tập. Này Ca-diếp! Ví như lúc kiếp sắp hoại, tuy vật báu chân thật chưa biến mất, nhimg vật báu giả tạo tương tự lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu giả tạo đã xuất

hiện rồi thì vật báu chân thật sẽ mất. Cũng vậy Ca-diếp, khi Chánh pháp

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.906. 0226Ò25). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 01Ỏ0.121. 0419014); S. 16.13 - II 223. 7 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; Tạp.(02. 0099.58. 0014bl2). 8 Nguyên tác: Thanh văn (M, Sāvakā). 9 Tham chiếu: s. 16.13 - II. 223: Ko nu kho, bhante, hetu ko paccayo, yena pubbe appatarāni ceva sikkhāpadāni ahesurn bahūtarā ca bhikkhū aññāya santhahirnsu? Ko pana, bhante, hetu ko paccayo, yenetarahi bahutarāni ceva sikkhāpadāni appatarā ca bhikkhū aññāya santhahantīti? (Bạch The Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trươc học giai có ít hơn, nhưng các Ty-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Ton, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới co nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?), HT. Thích Minh Châu dịch.

của Như Lai sắp diệt sẽ có Tượng pháp10 sanh. Khi Tượng pháp đã xuất hiện ở thế gian thì Chánh pháp sẽ diệt. Ví như trong biển lớn, chiếc thuyền nào chở nhiều châu báu thì có nguy cơ bị chìm đắm. Tuy nhiên, Chánh pháp của Như Lai không giống như vậy mà chỉ dần dần suy giảm. Chánh pháp của Như Lai không bi đất làm hư hoại, không bị lửa, gió hay nước làm hư hoại. Cho đến khi có chúng sanh xấu ác xuất hiện ở thế gian, chúng thích tạo các điều ác, muốn làm các việc ác, đầy đủ các điều ác, điều phi pháp mà nói là Chánh pháp, Chánh pháp lại nói là phi pháp, phi luật mà nói là luật, luật lại nói phi luật, dùng văn chương hoa mỹ tương tợ Chánh pháp11 thì Chánh pháp của Như Lai bấy giờ sẽ chìm mất. Này Ca-diếp! Có năm nhân duyên có thể khiến cho Chánh pháp của Như Lai bị chìm mất. Đó là năm nhân duyên nào? Thứ nhất,12 chúng đệ tử13 đối với Đại sư không có tâm cung kính, không tôn trọng và không chí thành phụng sự;14 đã không có tâm cung kính, không tôn trọng và không chí thành phụng sự đối với Đại sư mà vẫn nương tựa để sống. Thứ hai, đối với giáo pháp. Thứ ba, đối với học giới. Thứ tư, đối với thứ lớp của giáo pháp.15 Thứ năm, đối với các Phạm hạnh được Đại sư khen ngợi thì lại không có tâm cung kính, tôn trọng và không chí thành phụng sự mà vẫn nương tựa để sống. Này Ca-diếp, đây là năm nhân duyên khiến cho Chánh pháp của Như Lai chìm mất. Này Ca-diêp! Cũng có năm nhân duyên giúp cho Giáo pháp và Giới luật của Như Lai không bi diệt mất, không bị lãng quên, không bị suy giảm. Đó là năm nhân duyên nào? Thứ nhất, chúng đệ tử của Như Lai đối với Đại sư luôn biết cung kính, tôn trọng, chí thành phụng sự và nương theo để tu tập. Thứ hai, đối với giáo pháp. Thứ ba, đối với học giới. Thứ tư, đối với thứ lớp của giáo pháp. Thứ năm, đối với các Phạm hạnh được Đại sư khen ngợi thì luôn biết cung kính, tôn trọng, chí thành phụng sự và nương theo để tu tập. Đây là năm nhân duyên giúp cho Giáo pháp và Giới luật của Như Lai không bi diệt mất, không

10 Nguyên tác: Tương tự Tượng pháp Saddhammappatirūpakarri: Giống với Chánh pháp, nghía đen là giả mạo Chánh pháp. 11 Nguyên tác: Cú vị xí nhiên .Cú vị byañjana, chỉ cho văn chương; "xí nhiên" Rực sáng. Trong nghĩa văn chương là sự bóng bẩy, mượt mà, hoa mỹ. Tham chiếu: s. 11.7 - II. 166:

"Những bài kinh nào do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến Không, họ sẽ không nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ không lóng tai; họ se không an trú cháiìh tri tâm, va họ sẽ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải học thiiọc long, cần phải thấu đáo. Còn những bài kinh nào do các thi sĩ làm7những bai thơ VỚI những danh từ hoa mỹ, vơi những câu văn hoa mỹ, thuộc ngoại điển, do các đệ tử thuyêt giảng, họ sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyêt giảng; họ sẽ long tai;, họ sẽ an trú chánh tri tâm va họ sẽ nghĩ ràng các pháp ấy cần phải học thuộc Iong7can phải hoe thấu đáo. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các kinh do Như Lai thuyết, thâm sấu, nghía lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến Không, sẽ đi đến tiêu diet" HT. Thích Minh Châu dịch. 12 Nguyên tác không nêu số thứ tự. Bản dịch bổ sung để kinh văn sáng tỏ. 13 Nguyên tác: Tỳ-kheo .ở đây hàm nghĩa 4 chúng đệ tử Phật chứ không riêng chúng Tỳ-kheo. Tham chiếu: s. 16.13 - II. 223. J 14 Nguyên tác: Cúng dường ,pūja. Có tự căn pūj, ngoài nghĩa cúng dường còn mang nghĩa tôn kính, le bái, phụng sự. J 15 Nguyên tác: Tùy thuận giáo .Theo Du-già sư địa luân T.30.1579.28.0437al5 chỉ cho thứ lớp của giáo pháp.

QUYỂN 32 959

bị lãng quên và không bi suy giảm. Vì thế, Ca-diếp! Các thầy cần phải học tập như vầy: "Đối với Đại su, phải nên cung kính, tôn trọng, chí thành phụng sự và nương theo để tu tập. Hoặc đối với giáo pháp, đối với học giới, đối với thứ lớp của giáo pháp và đoi với các Phạm hạnh được Đại sư khen ngợi, cũng phải nên cung kính, tôn trọng, chí thành phụng sự và nương theo để tu tập.55 Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

907. MÚA HÁT ĐƯỢC SANH THIÊN?16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị thôn trưởng tên Giá-la-châu-la-na-la1718đi đến chỗ Phật. Sau khi lễ bái thăm hỏi Thế Tôn xong, ông ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Cù-đàm! Con nghe các vi lão thành trong lãnh vực đàn ca múa hát xưa kia nói như vầy: “yếu một người nghệ sĩ biểu diễn các trò đàn ca múa hát ở trước mọi người, khiến cho mọi người đều vui vẻ, thích thú, nhờ nghiệp duyên này mà sau khi lâm chung sẽ được sanh lên cõi trời Hoan Hy."18 Đoi với điều này thì trong pháp của Cù-đàm lý giải thế nào? Đức Phật nói với thôn trưởng: Hãy thôi đi! Ông chớ nên hỏi Ta về nghĩa này!

Đức Phật ba lân can ngăn như vậy, nhưng ông ây vân cứ hỏi chứ không chịu dừng. Đức Phật liền bảo thôn trưởng: -Nay Ta hỏi ông, ông hãy trả lời tùy theo suy nghĩ của mình. Xưa kia, những người ở trong thôn này chưa dứt trừ tham dục, bị phiền não tham dục trói buộc; chưa lìa sân hận, bị phiền não sân hận trói buộc; chưa lìa si mê, bị phiền não si mê trói buộc; bấy giờ, những nghệ sĩ ấy biểu diễn đàn ca múa hát ở trước mọi người, làm cho mọi người thích thú, cười vui. Vậy thì, này thôn trưởng! Trong lúc những người kia thích thú, cười vui thì chẳng phải họ đang tự mình làm tăng trưởng thêm sự trói buộc nơi tham dục, sân hận và si mê đó sao? Thôn trưởng liền bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Đúng như vậy. -Này thôn trưởng! Ví như có người lấy dây trói hai tay kẻ khác ra sau lưng, lại có người luôn dùng tâm xấu ác, muốn làm cho người kia không được lợi

ích,

16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02.0099.907.0227a02). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. o 100.122. 0420a07); s. 42.2 - IV. 306. 17 Nguyên tác: Giá-la-châu-la-na-la tụ lạc chủ (Tālaputa Natagāmani): Người đứng đầu phường ca múa tên là Tālaputa. 18 Nguyên tác: Hoan Hỷ thiên (Pahāsa deva).

không được an ổn? không được vui vẻ nên thường xuyên lấy nước rưới lên sợi dây trói, vậy thì người bi trói này chẳng phải càng bị trói chặt thêm sao? Thôn trưởng đáp: Thưa Cù-đàm! Đúng như vậy.

Đức Phật bảo: - Này thôn trưởng! Chúng sanh xưa kia cũng giống như vậy, không lìa các sự trói buộc của tham dục, sân hận và si mê rồi duyên theo những cuộc giải trí vui chơi khoái lạc thì chỉ càng làm tăng thêm sự trói buộc. Thôn trưởng thưa: Kính bạch Cù-đàm! Quả thật như vậy. Các nghệ sĩ ca múa hát xướng kia làm cho những người xem này thích thú, cười vui, dẫn đến tăng thêm sự trói buộc của tham dục, sân hận và si mê. Do nhân duyên này mà sau khi lâm chung họ lại được sanh về đường lành, điều này không thể xảy ra. Đức Phật bảo thôn trưởng: -Nếu các nghệ sĩ xưa kia cho rằng khéo mang đến cho mọi người sự vui thích hân hoan và nhờ nghiệp duyên này mà họ được sanh về cõi trời Hoan Hỷ thì đây là tà kiến. Nếu đã là người tà kiến thì nhất định sẽ rơi vào hai đường xấu ác, đó là địa ngục hoặc súc sanh. Khi nghe đức Phật nói những lời này, thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la buồn bã rơi lệ. Bay giờ, The Ton nói VƠI thon trưởng. Chính vì lẽ này mà trước đây ông hỏi đến ba lần, nhưng Ta đều không trả lời và còn nói với ông: "Hãy thôi đi! Ông chớ nên hỏi Ta về nghĩa này!99 Thôn trưởng bạch Phật: Kính bạch Cù-đàm! Con không vì những lời nói của Cù-đàm mà buồn bã rơi lệ. Vì con tự nghĩ: "Tại sao lâu nay mình bi che đậy bởi si mê, không sáng suốt, đê cho những người nghệ sĩ lão thành với hiêu biêt không lương thiện lừa dối, khi cho rằng: 'Người nghệ sĩ đàn ca múa hát ở trước mọi người... (cho đến) được sanh lên cõi trời Hoan Hỷ.9,9 Bây giờ, con đã có suy nghĩ chín chắn: "Làm sao các ca kỹ múa hát, diễn trò lại có the sanh lên cõi trời Hoan Hỷ duve?" Kính bạch Cù-đàm! Từ nay trở đi, con sẽ từ bỏ nghiệp bất thiện đàn ca múa hát, đồng thời phát nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng. Đức Phật liền khen ngợi: Lành thay, thôn trưởng! Điều này thật thiết yếu. r Bây giờ, thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi vui vẻ rời đi. ***

908. CHIẾN Sĩ ĐƯỢC SANH THIÊN?19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị thôn tiyởng sống bằng nghề chiến đấu2021 đi đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi rồi ngồi sang một bên và bạch Phật: Kính bạch Cù-đàm! Con nghe những vị lão thành nhiều kinh nghiệm chiến đấu xưa kia nói rằng: "Nếu người nào sống bằng nghề chiến dấu, mình mặc áo giáp dày, tay cầm vũ khí bén, dẫn đầu các tướng sĩ, có tài dụng binh dẹp yên quân địch thì do nghiệp báo này mà được sanh lên cõi trời Tiễn Hàng Phục.9921 Trong giáo pháp của Ngài

Cù-đàm lý giải nghĩa này thế nào? Đức Phật nói với thôn trưởng: - Hãy thôi đi! Ông chớ nên hỏi Ta về nghĩa này! Đức Phật ba lần can ngăn như vậy, nhưng ông ấy vẫn cứ hỏi chứ không chịu dừng. Đức Phật liền nói với thôn trưởng: Nay Ta hỏi ông, ông hãy trả lời tùy theo suy nghĩ của mình. Này thôn trưởng! Ong nghĩ sao, nêu có người sông băng nghê chiên đâu, mình mặc giáp trụ,22 thống lãnh các chiến si, có tài dụng binh dẹp yên quân địch thì người này chẳng phải trước tiên đã khởi tâm sát hại, muốn bắt trói, xiềng xích, đâm chém và giêt hại đôi phương roi sao? Thôn trưởng bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Đúng như vậy. Đức Phật bảo thôn trưởng: Người sống bằng nghề chiến đấu sẽ tạo ba nghiệp xấu ác, hoặc nơi thân, hoặc nơi miệng, hoặc nơi ý. Do tạo ba nghiệp xấu ác này sau khi qua đời được sanh vào cõi lành, được sanh lên cõi trời Tiễn Hàng Phục thì điều này không thể xảy ra. Đức Phật lại nói với thôn trưởng: -Nếu những vị lão thành sống bằng nghề chiến đấu xưa kia có nhận biết như vây và nói như vây: "Nêu người nào sông băng nghê chiên dâu, mình mặc giáp trụ, tay cầm vũ khí bén, dẫn đầu các tướng sĩ, có tài dụng binh dẹp yên quân địch, do nghiệp báo này mà được sanh lên cõi trời Tiễn Hàng Phục^,

19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.908. 0227Ồ10. Tham chiếu: Biệt Tạp.7L02. 0100.123. Ò420bl0; s. 42.3 -IV. 308. 20 Nguyên tác: Chiến đấu hoạt tụ lạc chủ yodhājīva-gāmanī: Người đứng đầu phuoiig võ. 21 Nguyên tác: Tiễn Hàng Phục thiên Sarañjita deva. 22 Nguyên tác: Thân bị giáp trụ .Giáp trụ :Áo giáp và mũ trụ được làm bằng chất liệu cứng chắc, 2 thứ vũ trang bảo vệ người chiến SI.

thì đây là tà kiến. Người tà kiến sẽ rơi vào hai đường ác, đó là địa ngục hoặc súc sanh. Khi nghe đức Phật nói những lời này, thôn trưởng buồn bã rơi lệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với thôn trưởng. Chính vì lẽ này mà trước đây Ta ba lần ngăn ông: "Hãy thôi đi! Ông chớ nên hỏi Ta về nghĩa nay!99 Thôn trưởng bạch Phật: _ _ Kính bạch Cù-đàm! Con không vì những lời nói của Cù-đàm mà buôn bã . • . e r \ A -g • £ A rơi lệ. Vì con nghĩ lại những lời của các vi lão thành sông băng nghê chiên đâu xưa kia thật si mê? không thiện lương, không sáng suốt, lâu nay lừa dối con khi nói rằng: "Nếu người nào sống bằng nghề chiến đấu, mình mặc giáp trụ, tay cầm vũ khí bén, dẫn đầu các tướng sĩ... (cho đến) được sanh lên cõi trời Tiễn Hàng Phục.,^ Cho nên, con mới buồn bã rơi lệ. Bây giờ, con đã suy nghĩ chín chắn: “Những người sống bằng nghề chiến đấu thì họ đã tạo nhân nghiệp ác; vậy mà sau khi lâm chung lại còn được sanh lên cõi trời Tiễn Hàng Phục thì điều này không thể xảy ra.95 Kính bạch Cù-đàm! Từ nay trở đi5 con sẽ từ bỏ nghiệp bất thiện này và phát nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng. Đức Phật nói với thôn trưởng: Điều này thật thiết yếu!

Bấy giờ, vị thôn trưởng sống bằng nghề chiến đấu nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

909. BA CÁCH LUYỆN NGƯA (l)23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị thôn trưởng sống bằng

nghề huấn luyện ngựa đi đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi Thế Tôn rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi thôn trưởng huấn luyện ngựa: -Có bao nhiêu cách huấn luyện ngựa? Thôn trưởng đáp: Thưa Cù-đàm! Co ba cách. Đó là ba cách nào? Một là mềm mỏng. Hai là cứng rắn. Ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn. Phật nói với thôn trưởng: Nêu áp dụng ba cách này mà vân không điêu phục được con ngựa thì nên làm gì?

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.909. 0227c12). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. o 100.124. 0420c 10); s. 42.5 - IV. 310; ^. 4.111 - II. 112.

Thôn trưởng đáp: - Thưa Cù-đàm! Thì nên giết con ngựa đó. Thôn trưởng lại bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Là bậc Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu, nên dùng bao nhiêu phương pháp để điều phục chúng sanh? Phật nói với thôn trưởng: Ta cũng dùng ba phương pháp để điều phục. Đó là ba cách gì? Một là mềm mỏng. Hai là cứng rắn. Ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn. Thôn trưởng lại bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Nếu dùng ba cách này để điều phục chúng sanh nhưng vẫn không điều phục được thì phải làm thế nào? Phật nói với thôn trưởng: Này thôn trưởng! Nêu đã dùng ba cách này mà vân không điêu phục được thì nên giêt người đó. Vì sao như vậy? Vì không đê cho giáo pháp của Ta bị người khác xem thường. Thôn trưởng huấn luyện ngựa liền bạch Phật: Theo như trong giáo pháp của Cù-đàm thì sát sanh là bất tịnh, nghĩa là trong giáo pháp của Cù-đàm không cho phép giết hại, nhưng hôm nay sao Cù- đàm lại nói: "Người nào không điều phục được thì cũng nên giết di?" Đức Phật nói với thôn trưởng: Đúng như lời ông nói, trong giáo pháp của Như Lai thì sát sanh là bất tịnh. Như Lai không chấp nhận sự giết chóc. Này thôn trưởng! Như khi Ta dùng ba phương pháp để điều phục chúng sanh mà vẫn không điều phục họ được thì Ta sẽ không nói đến, không dạy dỗ, cũng không giáo giới cho người đó nữa. Này thôn trưởng! Nếu Như Lai, bậc Điều Ngự Trượng Phu đã không nói đến, không dạy dỗ9 cũng không giáo giới cho người này nữa thì người này chẳng phải đã giông như bị giêt sao? Thôn trưởng huấn luyện ngựa bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Nếu bậc Điều Ngự Trượng Phu đã không nói đến, không dạy dỗ9 cũng không còn giáo giới cho người này nữa thì người này cũng đã giống như bị giết rồi. Vậy nên, từ nay con xin dứt bỏ các nghiệp xấu ác, phát nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng. Đức Phật nói với thôn trưởng: Điều này thật thiết yếu!

Đức Phật nói kinh này xong, thôn trưởng huấn luyện ngựa nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

910. THÔN TRƯỞNG HUNG Ác24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị thôn trưởng hung ác25 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Vì không tu những pháp gì khiến con thường sanh tâm sân hận đối với người khác. Do sân hận nên miệng nói lời hung ác, vì vậy mà con bị mọi người đặt tên là Ác Tính? Phật bảo thôn trưởng: -Vì ông không tu tập chánh kiến cho nên thường sân hận đối với người khác. Do sanh sân hận nên miệng nói lời ác, vì vậy bi mọi người đặt tên là Ác

Tính. Vì ông không tu tập chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định nên thường sanh sân hận đối với người khác. Do sanh sân hận nên miệng nói lời ác, vì vậy bị mọi người đặt tên là Ác Tính. Thôn trưởng lại hỏi: Kính bạch Thế Tôn! Con nên tu tập những pháp gì để không sân hận đối với người khác, nhờ không sân hận nên miệng nói lời lành và được người khác đặt tên là Hiền Thiện. Phật bảo thôn trưởng: Nếu khéo tu tập chánh kiến, sẽ không sân hận đối với người khác, vì không sân hận nên miệng nói lời lành và được người khác đặt tên là Hiền Thiện. Biết tu tập chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tan, chánh niệm, chánh đinh sẽ không sân hận đoi với người khác, nhờ không sân hận nên miệng nói lời lành và được người khác đặt tên là Hiền Thiện. Thôn trưởng Ác Tính bạch Phật: Hay thay, thưa Thế Tôn! Ngài khéo nói lời này. Vì con không tu tập chánh kiến nên sanh sân hận đối với người khác. Đã sanh tâm sân hận rồi thì miệng nói lời ác, cho nên bị người khác gọi là Ác Tính. Vì con không tu tập chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định nên sanh sân hận đoi với người khác; do sân hận nên miệng nói lời ác, vì vậy mà bi người khác đặt tên là Ác Tính. Do đó, kể từ hôm nay, con sẽ dứt bỏ tính sân hận, ngang ngược và hung bạo. Đức Phật nói với thôn trưởng: -Điều này thật sự thiết yếu!

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.910. 0228al0). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 010Ò.125.Ò421all);5. 42.1-IV. 305. 25 Nguyên tác: Hung ác tụ lạc chủ (,ganda gãmanĩ).

Đức Phật nói kinh này xong, thôn trưởng Ác Tính đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

911. MA-NI-CHÂU-KÉ26 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có thôn trưởng Ma-ni-châu-kế27 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Trước kia quốc vương có triệu tập các đại thần cùng nhau luận nghị như vầy: "Thế nào, các Tỳ-kheo Sa-môn họ Thích tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu thì thanh tịnh hay bất tjnh?" Trong các đại thần, có người nói: 44Sa-môn họ Thích được phép thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật b4u." Lại có vị nói: 44Sa-môn không được tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu." Kính bạch Thế Tôn! Vị đại thần nói uSa-môn họ Thích được phép tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, châu bWu" là do vi ấy nghe Phật nói hay là tự ý nói ra? Nói như vậy thì có đúng với giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?28 Đây là lời nói chân thật hay là lời hư vọng? Lời nói như vậy có dẫn đến bi người khác chỉ trích không? Đức Phật nói với thôn trưởng: Đây là lời nói hư vọng, không phải lời nói chân thật, không phải lời nói đúng với giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp, lời này sẽ dẫn đến bị người khác chỉ trích. Vì sao như vậy? Bởi vì Sa-môn họ Thích tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu thì không thanh tịnh. Cho nên, nếu tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu thì không phải là pháp Sa-môn9 chẳng phải đúng pháp của dòng họ Thích. Thôn trưởng bạch Phật: Hay thay, bạch Thế Tôn! Sa-môn họ Thích mà thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu thì chẳng phải là

pháp Sa-môn, chẳng phải là pháp của dòng họ Thích. Đây là lời nói chân chánh. Kính bạch Thế Tôn! Người nói lời này làm tăng trưởng thắng diệu, con cũng nói như vầy: "Sa-môn họ Thích không được tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật bu."

26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02.0099.911.0228Ồ04). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.126. 0421b 11); s. 42.10- IV 325. 27 Ma-ni-châu-kế tụ lạc chủ (±, Manicūlaka). 28 Nguyên tác: Tùy thuận ph§p ().Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.(T.02. 0099.27. 0005c2ỏ).

Đức Phật nói với thôn trưởng: Nếu Sa-môn họ Thích tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu mà thanh tịnh thì năm loại dục29 ắt phải thanh tịnh. Thôn trưởng Ma-ni-châu-kế nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. Bấy giờ, Thế Tôn biết Ma-ni-châu-kế đã ra về, liền nói với Tôn giả A-nan: Thầy hãy gọi tất cả các Tỳ-kheo đang ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, tập trung lại tại trai đường. Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, đi khắp Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà để thông tri đến các Tỳ-kheo an trú tại đây cùng tập trung ở trai đường. Khi các Tỳ-kheo đã tập trung đầy đủ? Tôn giả A-nan đến bạch Phật: Các Tỳ-kheo đã tập trung ở trai đường. Xin Thế Tôn biết cho!

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến trai đường, ngồi trước đại chúng và nói với các Tỳ-kheo: Hôm nay, có thôn trưởng Ma-ni-châu-kê đi đên chô Như Lai và nói như vầy: "Trước kia quốc vương có triệu tập các đại thần cùng nhau luận nghị rằng: 'Sa-môn họ Thích thọ nhận và cất giữ vàng bạc, của báu thì có thanh tịnh không?9 Trong đó có vi nói là thanh tinh, có người bảo là không thanh tịnh. Vậy nay con xin hỏi The Tôn, người nói là thanh tịnh kia là họ được nghe từ Phật nói hay tự mình nói d6i?" ... (như trên đã nói, cho đen) Thôn trưởng Ma-ni-châu-kế nghe Phật dạy xong, hoan hỷ đảnh lễ Phật rồi rời đi. Này các Tỳ-kheo! Trong khi quốc vương và các đại thần cùng nhau luận nghị thì thôn trưởng Ma-ni-châu-kế này ở trước mọi người rồi tuyên bố giống như tiếng rống của sư tử: 66Sa-môn họ Thích không được tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu." Này các Tỳ-kheo! Từ nay trở di, các thầy cần cây thì xin cây, cần cỏ thì xin cỏ, cần xe thì xin xe, cần người giúp việc thì xin người giúp việc. Hãy cẩn thận chớ nên vì mình mà thọ nhận vàng bạc và vật báu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

912. THÔN TRƯỞNG VƯƠNG ĐẢNH3031 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật an trụ bên hồ Yết-già,3i tại nước Chiêm-bà.

29 Nguyên tác: Ngũ dục công dúrc (). 30 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T 02. 0099.912. 0228c 15). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.127. Ò421C24); S. 42.12-IV 330. 31 Yết-già (ỈỊ,Gaggarā), tên hồ sen rất đẹp ở nước Chiêm-bà (Campā). Hồ sen này do Hoàng hậu Gaggarā xây dựng nên được gọi theo tên của bà. J

Bấy giờ, có thôn trưởng Vương Đảnh32 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn nói với thôn trưởng Vương Đảnh: -Hiện nay chúng sanh chạy

theo hai cực đoan. Đó là hai cực đoan nào? Một là, tham đắm năm dục, thuộc hạng phàm phu tầm thường, quê mùa, thấp kém. Hai là, tự làm khổ mình bằng lối sống sai lầm, vô nghĩa và không ích lợi gì. Này thôn trưởng! Có ba hạng người thích hưởng thụ vật dục thuộc hạng phàm phu tầm thường, quê mùa, thấp kém; cũng có ba hạng người tự làm khổ mình bằng lối sống sai lầm, vô nghĩa và không ích lợi gì. Này thôn trưởng! Ba hạng người nào thích hưởng thụ vật dục thuộc hạng phàm phu tầm thường, quê mùa, thấp kém? Đó là kẻ hưởng thụ vật dục bằng cách lạm dụng, chiếm đoạt tài vật một cách phi pháp, nhưng không mang lại đời sống an vui cho bản thân, cũng không phụng dưỡng cho cha mẹ hay cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, người giúp việc, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết, cũng không biết tùy thời cúng dường cho Sa-môn? Bà-la-môn để mong cầu quả báo an lạc, nơi ở tốt đẹp, đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người thứ nhất hưởng thụ vật dục ở thế gian. Lại nữa, này thôn trưởng! Có kẻ hưởng thụ vật dục băng cách tìm câu tài vật vừa hợp pháp vừa phi pháp đe tự mang đen mọi sự an vui cho bản thân. Tuy biết phụng dưỡng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, người giúp việc, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết nhưng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn để mong cầu quả báo an lạc, nơi ở tốt đẹp, đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người thứ hai hưởng thụ vật dục. Lại nữa, thôn trưởng! Có người hưởng thụ vật dục bằng cách tìm cầu tài vật một cách hợp pháp chứ không phải lạm dụng, chiếm đoạt tài vật để tự thân hưởng thụ an vui, cũng biết phụng dưỡng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, người giúp việc, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết, lại cũng biết tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn để mong cầu quả báo an lạc, nơi ở tốt đẹp, đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người thứ ba hưởng thụ vật dục. Này thôn trưởng! Ta không cứng nhắc nói rằng tất cả những người hưởng thụ vật dục đều như nhau mà Ta nói trong số những người hưởng thụ vật dục thì có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng bậc trung và có người thuộc hạng bậc thượng. Thế nào là hạng người thấp kém hưởng thụ vật dục? Đó là hạng người lạm dụng, chiếm đoạt tài vật một cách phi pháp... (cho đếrỉ) không mong cầu quả

32 Nguyên tác: Vương Đảnh tụ lạc chủ (Rāsiyo gāmini).

báo an lạc, nơi ở tốt dẹp, đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người thấp kém hưởng thụ vật dục mà Như Lai nói đến. Thế nào là hạng người bậc trung hưởng thụ vật dục? Đó là hạng người hưởng thụ vật dục bằng cách tìm cầu tài vật vừa hợp pháp vừa phi pháp... (cho đến) không mong cầu đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người bậc trung hưởng thụ vật dục mà Như Lai nói đến. Thế nào là hạng người bậc thượng hưởng thụ vật dục? Nghĩa là người này dùng cách thức đúng pháp đe tìm cầu tài vật... (cho đến) biết mong cau đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người bậc thượng hưởng thụ vật dục mà Như Lai nói đến. Ba hạng người nào tự làm khổ mình? Đây là sự khổ vì sống không đúng pháp, không đúng đắn, vô nghĩa và không ích lợi. Hạng người tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ, đầu tiên là phạm giới, làm ô nhiễm giới. Người ấy tu tập nhiều cách thức khổ hạnh, tinh cần, nỗ lực ở yên một chỗ, nhưng người

ấy không dứt trừ được phiền não bức bách trong hiện tại, không được pháp thượng nhân,33 không sống an lạc trong tri kiến __ e • r 9 thăng diệu. Này thôn trưởng! Đây gọi là hạng người thứ nhát tự làm khô mình bằng cách sống khắc khổ.34 Lại có hạng người tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ, đầu tiên là không phạm giới, không ô nhiễm giới. Người ấy tu tập nhiều cách thức kho hạnh, nhưng cũng không do điều này mà người ấy dứt trừ được phiền não bức bách trong hiện tại, hay được pháp thượng nhân, hay được song an lạc trong tri kiến thắng diệu. Đây gọi là hạng người thứ hai tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.35 J Lại có hạng người tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ, ban đầu là không phạm giới, không nhiễm ô giới. Người ấy tu tập nhiều cách thức kho hạnh mà cũng không thể dứt trừ được phiền não bức bách trong hiện tại, [nhưng người ấy] chứng được pháp thượng nhân và trụ an lạc trong tri kiến thắng diệu.36 Đây gọi là hạng người thứ ba tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

33 Nguyên tác: Quá nhân pháp (). 34 về hạng người thứ nhất này, s. 42.12 - IV. 330 ghi: "vj ấy tự mình hành xác, hành khổ, nhưng không chứng điíợc thiện pháp nào, không chứng ngộ thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đang bậc Thánh nao,? (HT. Iliich Minh Châu dịch). 35 về hạng người thứ hai này, s. 42.12 - IV. 330 ghi: "Người ấy tư mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, nhưng không chứng ngộ thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh^^ (HT. Thích Minh Châu dịch). J - 36 Nguyên tác: Đắc quá nhân pháp thăng diệu tri kiến an lạc trụ ().Tham chiêu: Biệt Tạp.y 50 (r02. 0100.127. 0422b 10): Hoặc thành tựu
chút ít pháp Ạthượng nhân, hoặc chứng đạt phân nào vê trí tuê, hoặc đạt được pháp nhãn, hoặc thành tựu sơ khởi về thiền định (iể A):Xem thêm,
s. 42.12 - IV. 330: ^hứng được'thiên pháp, chứng ngộ thượng nhân pháp, tri kiên thù thăng xứng đáng bậc Tháĩlh,, (HT. Thích Minh Châu dịch).

QUYỂN 32 969

Này thôn trưởng! Ta không nói tất cả những người tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ đều ngang bằng nhau mà Ta nói trong số họ có người thuộc hạng tháp kém, có người thuộc hạng bậc trung, có người thuộc hạng bậc thượng. r 9 r Thê nào là người tự làm khô mình thuộc hạng tháp kém? Người này tự làm khổ, ban đầu là phạm giới, làm nhiễm ô giới... (cho đếri) không được sống an lạc trong tri kiến thắng diệu. Đây là hạng người tự làm khổ mình thuộc hạng thấp kém mà Như Lai nói. Thê nào là người tự làm khô mình thuộc hạng bậc trung? Nghĩa là người tự làm khổ này5 ban đầu không phạm giới, không làm nhiễm ô giới... (cho đến) không được sống an lạc trong tri kiến thắng diệu. Đây là hạng người tự làm khổ mình thuộc hạng bậc trung mà Như Lai nói. r 9 Thê nào là người tự làm khô mình thuộc hạng bậc thượng? Nghĩa là người tự làm kho này, ban đau không phạm giới, không làm nhiễm ô giới... (cho đến) được sống an lạc trong tri kiến thắng diệu. Đây gọi là hạng người tự làm khổ mình thuộc hạng bậc thượng mà Như Lai nói. Này thôn trưởng! Đây là ba hạng người tự làm khổ mình một cách không đúng pháp, vô nghĩa và không ích lợi gì. Này thôn trưởng! Có con đường, có sự thực hành không hướng đến ba hạng người phương tiện tùy thuận hưởng thụ vật

dục thuộc hạng phàm phu tầm thường, quê mùa, thấp kém; lại cũng không hướng đến ba hạng người tự làm khổ mình một cách sai lầm, vô nghĩa và không ích lợi. Này thôn trưởng! Những con đường nào? Những sự thực hành nào chẳng hướng đến ba hạng người hưởng thụ vật dục và ba hạng người tự làm khổ mình? Này thôn trưởng! Do bị tham dục làm trở ngại và ngăn che nên nghĩ đến tự hại mình, hoặc nghĩ đến hại người khác, hoặc nghĩ đến hại cả mình và người, khiến hiện tại và đời sau phải chịu tội báo cho việc làm này, tâm đay buồn kho; lại do sân hận, si mê ngăn che nên nghĩ đến tự hại mình, hoặc nghĩ đến hại người khác, hoặc nghĩ đên hại cả mình và người, khiên cho hiện tại và đời sau phải chịu tội báo này. Nếu xa lìa sự chướng ngăn của tham dục, không nghĩ đến việc tìm cách tự hại mình, hại người, hại cả mình và người thì trong hiện tại và đời sau sẽ không bi tội báo này. Tâm và tâm pháp của vị ấy luôn được hỷ lạc. Cũng vậy, nếu xa lìa được sự chướng ngăn của sân hận và si mê? không nghĩ đến tự hại mình, không nghĩ đến hại người, cũng không nghĩ đến hại mình và hại người thì trong hiện tại và đời sau sẽ không lãnh chiu tội báo này. Tâm và tâm pháp của vị ấy luôn luôn được hỷ lạc, được pháp thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiêu.37

37 Nguyên tác: Ư hiện pháp trung, viễn ly xí nhiên, bất đãi thời tiết, thân cận Niết-bàn, tức thử thân hiện, duyên tự giác tri (, :;):Xem chú thích
59, kinh so 550, quyển 20, tr. 610; Tạp.(r02. 0099.550. 0143bl8)

Này thôn trưởng! Như vậy, con đường dẫn đến được pháp thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu, đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định. Trong lúc Thế Tôn giảng nói pháp này, thôn trưởng Vương Đảnh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Bấy giờ, thôn trưởng Vương Đảnh thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ giáo pháp, thể nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi ngờ, không nương ai khác, ở trong giáo pháp được tâm vô sở úy. Ông ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay5 con đã được độ, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng5 từ nay đên suốt đời con nguyện làm ini-bà-tăc. Đức Phật nói kinh này xong, thôn trưởng nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ đức Phật rồi rời đi. ***

913. THÔN TRƯỞNG KIỆT-ĐÀM38 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật giáo hóa trong nhân gian tại xứ Lực Sĩ39 rồi đến thôn uất-tỳ-la40 và nghỉ trong rừng Anh Vũ Diêm-phù. Bấy giờ, có thôn trưởng Kiệt-đàm41 nghe tin Sa-môn Cù-đàm giáo hóa trong nhân gian tại xứ Lực Sĩ rồi đến thôn uất-tỳ-la, nghỉ trong rừng Anh Vũ Diêm-phù và thuyết pháp về nguyên nhân của khổ và khổ diệt ở trong đời hiện tại. Kiệt-đàm liền suy nghĩ: “Ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Nếu ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm thì nhất đinh Ngài sẽ vì ta mà giảng nói về nguyên nhân của khổ và khổ diệt ở trong đời hiện tại." Nghĩ vậy, thôn trưởng liền đi đến thôn uất-tỳ-la, nơi Phật đang an trú, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con nghe Thế Tôn thường giảng nói về nguyên nhân của khổ và khổ diệt ngay trong đời hiện tại cho mọi người. Lành thay, Thế Tôn! Xin Ngài hãy vì con mà nói về nguyên nhân của khổ và khổ diệt ở trong

đời hiện tại. Phật nói với thôn trưởng: -Nếu Ta nói về nguyên nhân của khổ và khổ diệt đã xảy ra trong quá khứ thì không biết đối với pháp ấy ông tin hay không tin, monệ muốn hay không mong muôn, nghĩ nhớ hay chẳng nghĩ nhớ, ưa thích hay chăng ưa thích? Hiện

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.913. 0229c03). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.128. Ò422c18); 5. 42.11-IV. 327. 39 Nguyên tác: Lực Si (, Mallā): Trú xứ của bộ tộc Mạt-la (,Mallā). Người Mallā giỏi đấu vật nên Han dịch là Lực Si (±), 40 uất-tỳ-la (,Uruvelakappa). 41 Kiệt-đàm (,Gandhagata hoặc Bhadragaka): Thôn trưởng Uruvelakappa và là cha của Ciravãsi.

tại ông có khổ không? Nếu Ta nói về nguyên nhân của khổ và khổ diệt ở trong đời tương lai thì không biết đối với điều ấy ông có tin hay không tin, mong muốn hay chẳng mong muốn, nghĩ nhớ hay chẳng nghĩ nhớ, ưa thích hay chẳng ưa thích? Hiện tại ông có khổ không? Hôm nay, Ta sẽ nói nguyên nhân của kho và kho diệt ở trong hiện tại. Này thôn trưởng! Sở dĩ chúng sanh có các thứ khổ, đó đều là do dục làm cội gôc5 từ dục sanh ra, từ dục tích tập, từ dục phát khởi, do dục làm nhân, do dục làm duyên mà phát sanh khổ. Thôn trưởng bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Ngài nói pháp quá sơ lược, không giải thích rộng nên con còn có chỗ khônệ hiểu được. Lành thay, Thế Tôn! Xin Ngài giải thích rộng hơn cho con được hiêu. Phật bảo thôn trưởng: -Bây giờ, Ta hỏi 6ng, ông hãy trả lời tùy theo suy nghĩ của mình. Này thôn trưởng! Ong nghĩ sao, nêu chúng sanh ở trong thôn uất-tỳ-la hoặc bị đánh, hoặc bị trói, hoặc bị quở trách, hoặc bị giết hại thì tâm của ông có cảm thấy lo buồn, khổ não không? Thôn trưởng bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Chưa thể xác định được! Nếu con đối với các chúng sanh ở trong thôn uất-tỳ-la này mà có sự mong mỏi, hy vọng, yêu mến, nghĩ nhớ, gần gũi, thân thiết thì khi họ bị trói hoặc bị đánh, hoặc bị quở trách hay bi giết hại, nhất đinh con sẽ lo buồn, khổ não. Nếu đối với những nguôi ấy, con không có sự mong mỏi, hy vọng, yêu mến, nghĩ nhớ, cũng không gân gũi thân thiết thì khi họ có bị trói, bị đánh, bị quở trách, bị giết hại, con làm sao có thể sanh tâm lo buồn, kho não? Phật nói với thôn trưởng: -Vậy nên ông phải biêt, chúng sanh có các thứ khô phát sanh thảy đêu do ái dục làm cội gốc, do ái dục sanh, do ái dục tích tập, do ái dục phát khởi, do ái dục làm nhân, do ái dục làm duyên mà sanh ra các khổ. Này thôn trưởng! Ông nghĩ thế nào? Nếu ông và cha mẹ chưa gặp nhau42 thì có sanh mong mỏi, hy vọng, yêu mến, nghĩ nhớ không? Thôn trưởng nói: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo thôn trưởng: -Này thôn trưởng! Ý ông thế nào? Nấu ông đã nương gá cha mẹ và thường thấy, thường nghe thì có sanh lòng thương nhớ không?

42 Nguyên tác: Nhữ y phụ mẫu bất tương kiến giả .Đoạn kinh này tối nghĩa. Tham

chiêu: Biệt Tạp.7.02. 0100.128. 0423al8: Nêu đứa con của ông chưa sanh ra, chưa gá thai me, lúc chưa thấy chưa nghe, vào khi đó, phải chăng ông có lòng nhớ nghĩ và muốn âu yêm nó không?

Thôn trưởng đáp: - Thưa có, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại hỏi: Này thôn trưởng! Ông nghĩ thế nào? Nếu cha mẹ của ông bị vô thường biến đổi thì ông có lo buồn, khổ não không? Thôn trưởng đáp: Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Nếu cha mẹ của con bị vô thường biến đổi thì con sẽ đau khổ gần như chết, chứ đâu chỉ buồn thương, khổ não. Phật nói với thôn trưởng: -Vậy nên ông phải biết, chúng sanh có các thứ khổ phát sanh thảy đều do ái dục làm cội gốc, do ái dục sanh, do ái dục tích tập, do ái dục phát khởi, do ái dục làm nhân, do ái dục làm duyên mà sanh ra các khổ. Thôn trưởng nói: Kỳ đặc thay, bạch Thế Tôn! Ngài đã khéo giảng nói ví dụ về cha mẹ như the. Con cũng có cha mẹ hiện đang ở nơi khác. Hang ngày con thường sai người đến thăm hỏi sức khỏe cha mẹ có an ổn không. Lúc người nhà chưa trở về thì con đã cảm thấy lo lắng khổ sở? huống gì cha mẹ bị vô thường thì làm sao không lo lắng khổ đau được. Phật bảo thôn trưởng: -Vậy nên Ta nói, chúng sanh sở dĩ có các khổ não thảy đều do ái dục làm cội gốc, do ái dục sanh, do ái dục tích tập, do ái dục phát khởi, do ái dục làm nhân, do ái dục làm duyên mà sanh ra các khổ. Phật nói với thôn trưởng: Nêu có bôn đôi tượng đê thương yêu, đê nhớ nghĩ và khi chúng bi vô thường biên đôi thì sẽ có bôn sự buôn đau phát sanh. Nêu có ba, hoặc hai, hoặc một đối tượng để thương yêu, để nhớ nghĩ và khi chúng bi vô thường biến đổi thì sẽ có ba? hoặc hai, hoặc một sự buồn đau phát sanh. Này thôn trưởng! Nếu không còn khởi niệm ái nhiễm thì không còn phiền não khổ đau. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Người nào không ái niệm thế gian, Thì không bị buồn lo, khổ não, Tất cả khổ đau đều dứt sạch, Giống như hoa sen không dính nước. Trong lúc Thế Tôn giảng nói pháp này, thôn trưởng Kiệt-đàm xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Bấy giờ, thôn trưởng Kiệt-đàm thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ giáo pháp, thể nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi ngờ, không nương ai khác, không do ai khác mà được độ thoát, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Ông ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

-Kính bạch Thế Tôn! Con đã được độ, con đã vượt thoát. Từ nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng, nguyện suốt đời làm ưu-bà-tắc. Xin Thế Tôn thương tưởng gia hộ cho con. Đức Phật nói kinh này xong, thôn trưởng Kiệt-đàm nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

914. TÀI SẢN THUỘC CHÍN NHÀ43 Tôi nghe như vầy: Một thời, từ nước Ma-kiệt-đề,44 đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, một ngàn vị ưu-bà-tắc và năm trăm người ăn xin cùng du hành trong nhân gian, đi từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, rồi đến vườn Hảo Y Am-la? thôn Na-la.45 Bấy giờ, có thôn tniởnệ đệ tử của Ni-kiền tên là Đao Sư Thi46 đến chỗ Ni- kiền đảnh lễ sát chân rồi ngoi sang một bên. Lúc ấy, Ni-kiền nói với thôn trưởng Đao Sư Thị: Ông có thể dùng phương pháp Tật-lê luận47 để nghị luận với Sa-môn Cù- đàm, khiến cho Sa-môn Cù-đàm nói không được mà không nói cũng không được chăng? Thôn trưởng thưa: Thưa thầy, con phải xây dựng những luận thuyết như thế nào để được gọi là Tật-lê luận, khiến cho Sa-môn Cù-đàm nói không được mà không nói cũng không được?

Ni-kiên bảo thôn trưởng: Ông hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm rồi đưa ra câu hỏi này: "Cíi-dàm luôn mong muốn cho mọi người đều được tăng trưởng đầy đủ phước lợi. Ngài luôn có tâm nguyện như vậy và nói như vậy phải kh6ng?" Nếu Sa-môn Cù-đàm ấy trả lời với ông là "kh6ng" thì ông nên hỏi tiếp: "Vậy thì Sa-môn Cù-đàm có gì khác so với hàng phàm phu si m?" Nấu được trả lời: "C6 tâm nguyện như vậy, có nói như vay" thì ông nên hỏi: "Nếu Sa-môn Cù-đàm có tâm nguyện như vậy và có nói như vậy, thế sao hiện nay trong lúc dân tình mất mùa đói kém mà Cù-đàm lại du hành trong nhân gian, dẫn theo một ngàn hai trăm năm mươi chúng Tỳ-kheo? một ngàn mi-bà-tắc và năm trăm người ăn xin đi từ thành

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.914.0230ỒO3). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.129. Ò423bl4); s. 42.9 - IV. 322. 44 Ma-kiệt-đề ()tức Ma-kiệt-đà (Magadha). 45 Nguyên tác: Na-la tụ lạc Hảo Y Am-la viên(,Nālandā Pāvārikambavana). Bấy giờ tại đây đang xảy ra nạn đói. 46 Đao Sư Thị (Asibandhakaputta). 47 Tật-lê luận).Tật-lê là loại cỏ gai, trái nó nhiều gai, khi bám vào người rất khó gỡ. s. 42.9 - IV. 322; Ubhatokotika pañha (Câu hỏi có hai đầu nhọn).

này đến thành kia, từ thôn này sang thôn khác, làm hao tốn của cải của người dân. Giống như trận mưa đá lớn, chỉ đem đến tổn hại chứ chẳng thêm lợi ích gì! Những lời nói của Cù-đàm không tương ưng với nhau, không giống nhau, không trùng khớp nhau, trước sau mâu thuẫn nhau.” Như vậy, này thôn trưởng! Đây gọi là Tật-lê luận, sẽ khiến cho Sa-môn Cù-đàm không the nói được mà cũng không thể không nói. Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị vâng lời dạy của Ni-kiền, liền đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi. Sau khi cung kính chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Ngài luôn luôn tâm nguyện muốn mọi người đều được tăng trưởng phước lợi phải không? Phật nói với thôn trưởng: Như Lai luôn tâm nguyện muốn mọi người đều được tăng trưởng phước lợi và cũng thường nói như vậy. Thôn trưởng liền thưa: -Nếu vậy thì tại sao Cù-đàm lại đi khất thực giữa những người dân mất mùa đói kém, dẫn theo đại chúng... (cho đen) không trùng khớp nhau, trước sau mâu thuẫn nhau? Phật nói với thôn trưởng: Ta nhớ lại từ chín mươi mốt kiếp về trước đến nay, chưa từng thấy một người nào bố thí cúng dường cho một Tỳ-kheo mà lại bi cạn kiệt hay bi tổn giảm cả. Này thôn trưởng! Ong nhìn xem hiện nay những nhà nào giàu sang, nhiều tiền của, đông quyến thuộc, nhiều tôi tớ thì ông phải biết rằng nhà ấy từ trước đến nay luôn thh bố thí cúng dường, tích chứa đúng pháp, cho nên được phước lợi này. Này thôn trưởng! Có tám nhân duyên khiến cho con người tổn giảm phước lợi, chứ không tăng trưởng. Tám nhân duyên ây là gì? Đó là bị vua áp bức, bị giặc cướp lây, bị lửa thiêu cháy, bi nước cuốn trôi, bị tiêu hao khi cất giấu, bị kẻ mượn nợ không trả, bị kẻ oán thù phá hại, bị hoang phí bởi con hư. Đây là tám nhân duyên dẫn đến tiền của khó giữ được dài lâu. Này thôn trưởng! Ta nói vô thường là nhân duyên thứ chín. Như vậy, này thôn trưởng! Ông đã bỏ qua chín nhân, chín duyên trên mà trở lại nói Sa-môn Cù-đàm phá hoại nhà người khác. Nếu ông không từ bỏ lời nói xấu ác, không từ bỏ ác

kiến này sẽ như ngọn thương bằng sắt bị ném xuống nước, sau khi lâm chung, ông sẽ đọa vào trong địa ngục nhanh giống như vậy. Lúc ấy, thôn trưởng Đao Sư Thị vô cùng sợ hãi, toàn thân sởn gai ốc, liền bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Con xin sám hối tội lỗi! Con thật ngu si, không sáng suốt, thiếu hiểu biết nên con đã nói ra những lời dối trá hư vọng, không thành thật với Cù-đàm.

QUYỂN 32 975

Sau khi nghe đức Phật dạy xong, thôn trưởng Đao Sư Thị hoan hỷ và tùy hỷ? rồi đứng dậy rời đi. ***

915. BA LOẠI RUỘNG48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Hảo Y Am-la? trong thôn Na-la. Bấy giờ, có thôn tniởng Đao Sư Thị, trước đây là đệ tử của Ni-kiền, đi đến chỗ Ni-kiền đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Bây giờ, Ni-kiên nói với thôn trưởng: Ông có thể dùng phương pháp Tật-lê luận để luận nghị với Sa-môn Cù- đàm? khiến cho Sa-môn Cù-đàm nói không được mà không nói cũng không được chăng? Thôn trưởng thưa với Ni-kiền: Thưa thầy! Như thế nào mới được gọi là Tật-lê luận, khiến cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói không được mà không nói cũng không được? Ni-kiền bảo thôn trưởng: Ông hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm rồi nói như sau: "C6 phải Sa-môn Cù-đàm luôn muốn an ủi tất cả chúng sanh, khen ngợi để an ủi tất cả chúng sanh chang?" Nếu Ngài ấy trả lời với ông là "kh6ng" thì ông nên hỏi tiếp: "Vậy thì Sa-môn Cù-đàm có khác gì so với hàng phàm phu si m?" Nếu được trả lời rằng: "Thương muốn an ủi tất cả chúng sanh, khen ngợi an ủi tất cả chúng sanh" thi ông nên hỏi lại răng: í6Nêu muôn an ủi tát cả chúng sanh thì vì lý do gì mà Cù-đàm chỉ thuyết pháp cho hạng người này mà lại không thuyết pháp cho hạng người kia?99 Hỏi như vậy thì đó chính là Tật-lê luận, sẽ khiến cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được mà không nói cũng không được. Sau khi được Ni-kiền khuyến khích, thon trưởng liền đi đến chỗ Phật rồi cung kính chào hỏi. Chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Lẽ nào Ngài không luôn muốn an ủi tất cả chúng sanh, nói lời khen ngợi an ủi chúng sanh ư? Phật nói với thôn trưởng: Như Lai luôn luôn thương xót an ủi tất cả chúng sanh, cũng thường nói lời khen ngợi an ủi tất cả chúng sanh. Thôn trưởng lại bạch Phật: Nếu vậy thì vì cớ gì Như Lai chỉ nói pháp cho hạng người này mà không nói pháp cho hạng người kia?

48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.915. 0230cl6). Tham chiếu: Biệt Tạp.(102. 0100.130. 0424a05); s. 42.7 - IV. 314.

976 KINH TẠP A-HÀM

Phật bảo thôn trưởng: Nay Ta hỏi ông, ông hãy trả lời tùy theo suy nghĩ của mình. Này thôn trưởng! Ví như có ba loại ruộng: Một là loại ruộng phì nhiêu, màu mỡ. Hai là loại ruộng trung bình. Ba là loại ruộng khô cằn. Thôn trưởng, ông nghĩ thế nào? Người chủ ruộng kia sẽ cày bừa và gieo trồng ở mảnh ruộng nào trước? Thôn trưởng thưa: Bạch Cù-đàm! Người chủ ruộng kia sẽ cày bừa và gieo giống xuống thửa ruộng phì nhiêu màu mỡ trước nhất. Đức Phật lại hỏi thôn trưởng: Này thôn trưởng, tiếp theo là cày bừa và gieo giống xuống thửa ruộng nào?

Thôn trưởng đáp:

Thưa Cù-đàm! Người ấy sẽ cày bừa và gieo giống xuống thửa ruộng loại trung bình.

Đức Phật lại hỏi thôn trưởng:

Tiếp đến họ sẽ cày bừa và gieo giống xuống thửa ruộng nào nữa?

Thôn trưởng đáp:

—Sau cùng họ mới cày bừa và gieo giông xuông thửa ruộng khô căn nhát.

Phật hỏi thôn trưởng:

Vì sao như vậy?

Thôn trưởng đáp: Thưa Cù-đàm5 vì điền chủ không muốn bỏ phế ruộng, chỉ giữ lại hạt giống mà thôi. Phật nói với thôn trưởng: -Như Lai cũng vậy! Giống như thửa ruộng phì nhiêu, màu mỡ kia, các Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni đệ tử của Như Lai cũng giống như vậy. Như Lai luôn vì họ mà diễn nói Chánh pháp, phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhất thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch.49 Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni này sau khi nghe pháp rồi thì họ sẽ nương vào nhà của Như Lai, hải đảo của Như Lai, sự che chở của Như Lai, bóng mát của Như Lai, đường lối của Như Lai. Họ luôn dùng đôi mắt thanh tịnh để noi theo Như Lai mà an trụ, lại luôn tâm niệm rằng: "Giáo pháp đức Phật tuyên thuyết, nhất định ta phải thọ trì, giúp cho ta luôn được lợi ích và sống trong an vui." Này thôn trưởng! Như thửa ruộng trung bình kia, các đệ tử nam cư sĩ và nữ cư sĩ của Như Lai cũng giống như vậy. Như Lai luôn vì họ mà diễn nói Chánh pháp, phan đầu, phan giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ

49 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch ( ).Xem chu thích 94, kinh số 53, quyển 2*
tĩ. 55; tại Tạp. (T.02. 0099.53. 0012C04). •

chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, chỉ dạy rõ ràng. Sau khi nghe pháp rồi, nam cư sĩ và nữ cư sĩ này sẽ nương vào nhà của Như Lai, hải đảo của Như Lai, sự che chở của Như Lai, bóng mát của Như Lai, đường lối của Như Lai. Họ luôn dùng đôi mắt thanh tịnh để noi theo Như Lai mà an trụ, lại luôn tâm niệm rằng: "Giáo pháp đức Phật tuyên thuyết, nhất định ta phải thọ trì, giúp cho ta luôn được lợi ích và sống trong an vui.” Này thôn trưởng! Như thửa ruộng xấu và khô cằn kia, các ngoại đạo dị học Ni-kiền tử cũng giống như vậy. Như Lai cũng vì họ mà diễn nói Chánh pháp, phân đâu, phân giữa và phân cuôi đêu thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuân xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Tuy nhiên, trong số họ có một ít người nghe pháp thì Như Lai cũng vì họ giảng nói; nếu nhiều người nghe pháp thì Như Lai cũng vì họ mà giảng nói. Nhưng trong số những người này, đối với việc Như Lai khéo nói pháp mà có the hiểu được ý nghĩa của một câu pháp thì cũng nhận được lợi ích lâu dài và sống trong an vui. Bấy giờ, thôn trưởng bạch Phật: Kỳ diệu thay, thưa Thế Tôn! Ngài đã khéo nói thí dụ về ba loại ruộng.

Phật bảo thôn trưởng: r -Ong hãy lăng nghe Như Lai nói thêm thí dụ. Ví như một người có ba chiêc bình đựng nước. Chiêc bình thứ nhát không bi thủng, không bị hư hoại, cũng không rỉ chảy. Chiếc bình thứ hai không thủng, không bị hư hoại, nhưng có rỉ chảy. Chiếc bình thứ ba bị thủng, bị hư hoại, lại thêm bị rỉ chảy. Này thôn trưởng, ông nghĩ thê nào, trong ba chiêc bình ây, người kia sẽ đựng nước sạch trong chiếc bình nào? Thôn trưởng đáp: -Thưa Cù-đàm! Người ấy trước tiên nên dùng chiếc bình không thủng, không hư hoại, không ri chảy để đựng nước. Phật lại hỏi thôn trưởng: - Ke đến người ấy nên dùng chiếc bình nào để đựng nước? Thôn trưởng đáp: -Thưa Cù-đàm! Ke đến nên dùng chiếc bình không thủng, không hư hoại, nhimg có rỉ chảy để đựng nước. Phật lại hỏi thôn trưởng: —Khi hai chiếc bình đó đã đầy nước thì sau cùng phải dùng chiếc bình nào để đựng nước? Thôn trưởng thưa: Sau cùng đành phải dùng chiếc bình vừa bị thủng vừa bị hư hoại, lại vừa bi rỉ chảy để đựng nước thôi! Vì sao như vậy? Vì chỉ tạm dùng cho việc nhỏ ở trong chốc lát.

Phật bảo thôn trưởng: Như chiếc bình không thủng, không hư hoại và không rỉ chảy, các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Như Lai cũng giống như vậy. Như Lai luôn vì họ diễn nói Chánh pháp... (cho đếrỉ) luôn luôn đem đến nhiều lợi ích, giúp họ sống trong an vui. Như chiếc bình thứ hai, không thủng, không hư hoại, nhimg bi rỉ chảy, các đệ tử nam cư sĩ và nữ cư sĩ của Như Lai cũng giống như vậy. Như Lai luôn vì họ diễn nói Chánh pháp... (cho đen) luôn đem đen cho họ nhiều lợi ích, giúp họ sống trong an vui. Như chiếc bình thứ ba, vừa bị thủng vừa bị hư hoại lại cũng bị ri chảy, các hàng ngoại đạo dị học Ni-kiền tử cũng giống như vậy. Như Lai cũng vì những người này diên nói Chánh pháp, phân đâu, phân giữa và phân cuôi đêu thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, chỉ dạy rõ ràng. Dù nhiều người hay ít người thì Như Lai cũng vì họ mà nói pháp. Tuy nhiên, trong số họ nếu có người nào hiểu được ý nghĩa một câu pháp mà Như Lai nói thì cũng được an ổn lâu dài và sống trong an vui. Khi thôn trưởng Đao Sư Thị nghe Phật nói như vậy, trong lòng vô cùng sợ hãi, toàn thân sởn gai ốc, liền đến đảnh lễ sát chân Phật và sám hối lỗi lầm. Kính bạch Thế Tôn! Con thật quá si mê, không thiện lương, thiếu hiểu biết, đã nói lời không chân thật, hư ngụy dối trá đối với Thế Tôn! Sau khi nghe Phật dạy xong, thôn trưởng Đao Sư Thị, hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ Phật roi rời đi. ***

916. TRIẾT LÝ CỦA NI-KIỀN50 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Hảo Y Am-la5 tại thôn Na-la. Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị là đệ tử của Ni-kiền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi thôn trưởng: Ông muốn luận bàn về điều gì? Ni-kiền Nhã-đề tử51 đã nói những điều gì?

Thôn trưởng thưa: Bạch Thế Tôn! Ni-kiền Nhã-đề tử nói như vầy: 'Tất cả những người sát sanh đêu bị đọa vào địa ngục, vì do họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiều nên mới dẫn đến sanh vào nơi ấy. Cũng vậy? trộm cướp, tà dâm, nói dối đều đọa vào địa ngục, vì do họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiều nên mới dẫn đến đọa vào nơi ấy.”

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.916. 0231CƠ3). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.131. Ỏ424C14); S. 42.8- IV 317. 51 Ni-kiền Nhã-đề tử (,Nigantha Nātaputta).

QUYỂN 32 979

Phật nói với thôn trưởng: —Như Ni-kiền Nhã-đề tử nói: :Những người sát sanh đều bị đọa vào địa ngục, vì họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiều nên mới dẫn đến sanh vào nơi ấy." Nếu vậy sẽ không có chúng sanh nào đọa địa ngục. Này thôn trưởng, ý ông nghĩ sao? Có những chúng sanh nào mà ở trong mọi thời khắc đều có tâm sát sanh? Lại ở trong thời điểm nào thì họ có tâm không sát sanh... (cho đên) lúc nào có tâm nói dối, lúc nào có tâm không nói dối? Thôn trưởng bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Trọn cả ngày đêm, con người ít khi có tâm sát sanh... (cho đến) ít khi có tâm nói dối mà phần nhiều là không có tâm sát sanh... (cho đến) không có tâm nói dối. Phật nói với thôn trưởng: Nếu như vậy thì phải chăng sẽ không có người đọa vào địa ngục ư? Như Ni-kiền nói: "Tất cả những người sát sanh đều bị đọa vào địa ngục, vì họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiều nên mới dẫn đến sanh vào nơi ấy... (cho đến nói dối cũng giống như vậý)y Này thôn trưởng! Bậc Đại sư kia xuất hiện ở thế gian, bằng giác tưởng suy lường, thể nhập cõi giác tưởng rồi an tru ở địa vi phàm phu. Vị ấy tự đặt ra điều luận thuyêt roi suy lường theo ý riêng, sau đó vì các đệ tử mà nói pháp như vây: "Tất cả những người sát sanh đều bi đọa vào địa ngục, vì họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiêu nên mới dân đên sanh vào nơi ây... {cho đên nói dôi cũng giông như vậy)y Các đệ tử của vị ấy nếu tin vào những lời vị ấy nói và cho rằng: "Dại sư của ta biết những điều cần biết, thấy những điều cần thấy, khéo vì đệ tử mà nói như vây: 'Tát cả những người sát sanh đêu bị đọa vào địa ngục, vì họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiều nên mới dẫn đến sanh vào nơi ấy.' Ta nay vốn sẵn có tâm sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối nên sẽ đọa vào địa ngục.,, Do có kiến chấp như vậy, thậm chí không xả bỏ kiến chấp này, không chán ghét việc làm ấy, chẳng biết ăn năn tội kia, cho nên mãi đến đời tương lai cũng chẳng từ bỏ nghiệp sát sanh... {cho đến) không dứt bỏ nghiệp nói dối. Vị ấy với tâm giải thoát không đầy đủ, tuệ giải thoát cũng không đầy đủ. Do tâm giải thoát và tuệ giải thoát không đầy đủ nên vị ấy rơi vào tà kiến, hủy báng Hiền thánh. Do nhân duyên tà kiến nên khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ rơi vào đường ác, sanh trong địa ngục. Như vậy, này thôn trưởng! Có nhân, có duyên khiến chúng sanh phiền não; có nhân, có duyên khiến chúng sanh tạo nghiệp phiền não. Này thôn trưởng! Đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, The Gian Giải, Vô Thirợng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn thị hiện ở thế gian luôn vì chúng sanh mà quở trách việc sát sanh, khen ngợi việc không sát sanh; quở trách việc trộm cướp, tà dâm, nói dối; khen ngợi việc không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối; thường

980 KINH TẠPA-HÀM

dùng Chánh pháp này để giáo hóa các đệ tử, khiến họ nghĩ nhớ, ưa thích, tin nhận, tôn trọng mà tự nói rằng: "Dại sư của ta biết rõ điều cần biết, thấy rõ điều can thấy, quở trách việc sát sanh, khen ngợi việc không sát sanh... (cho đến) quở trách việc nói dối, khen ngợi việc không nói dối. Từ trước đến nay ta vì si mê, thiếu trí tuệ nên đã có tâm

sát sanh; vì vậy nay ta ăn năn tự trách mình.,, Tuy không the khiến cho những nghiệp kia không sanh khởi nữa, nhưng nhờ sự ăn năn tự trách này mà đời tương lai được xa lìa nghiệp sát sanh... (cho đến) được xa lìa nghiệp trộm cướp, tà dâm, nói dối, đồng thời được đầy đủ tâm giải thoát hoàn toàn, đầy đủ tuệ giải thoát. Khi tâm giải thoát và tuệ giải thoát đã đầy đủ rồi thì vi ấy sẽ không hủy báng Hiền thánh và thành tựu được chánh kiến. Nhờ có chánh kiến nên được sanh về cõi lành, sanh lên cõi trời. Như vậy, này thôn trưởng! Có nhân, có duyên khiên chúng sanh tạo nghiệp phiền não hoặc thanh tịnh. Này thôn trưởng! Vị Thánh đệ tử đa văn ấy nên học tập như vầy: "Dù ngày hay đêm, tùy theo mọi thời khắc, phải luôn quan sát để biết tâm niệm sát sanh khởi lên ít, còn tâm không sát sanh khởi lên nhiều. Nếu có tâm sát sanh thì phải ăn năn tự trách mình không đúng, sai quây; nêu không có tâm sát sanh, không oán không ghét thì tâm sanh tùy hỷ. Khi đã có tâm tùy hỷ thì hoan hỷ sanh; nhờ có hoan hỷ nên tâm khinh an; tâm đã khinh an nên tâm nhận được an lạc; do đã nhận được an lạc nên tâm an định; khi tâm đã an định thì tâm của vị Thánh đệ tử tương ưng với từ, không oán thù, không ganh ghét, không sân hận, tâm trải rộng vô lượng trùm khắp một phương, thể nhập rồi an trụ; trùm khắp hai phương, ba phương cho đến bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, tất cả thế gian, tâm đều tương ưng với từ, không oán giận, không ganh ghét, không sân hận, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập đầy khắp các phương, thể nhập rồi an trụ đầy đủ." Khi đó, Thế Tôn dùng móng tay lấy lên một ít đất rồi hỏi thôn trưởng Đao Sư Thị: Này thôn trưởng! Thê nào, đát trong móng tay Như Lai nhiêu hay đát ở đại địa nhiều? Thôn trưởng bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Đất trên móng tay Thế Tôn rất ít, còn đất trên đại địa thì nhiều hơn gấp vô lượng, vô số. Phật bảo thôn trưởng: -Giống như lượng đất trên móng tay rất ít so với lượng đất nơi đại địa nhiều vô lượng, cũng vậy, người khéo tu tập tâm tương ưng với từ, tu tập và tu tập thuân thục thì các nghiệp có hạn lượng, chỉ ít như sô đát dính trên móng tay Như Lai, không thể đem đi, cũng không thể làm cho trụ lại. Cũng vậy, người biết dùng tâm bi để đối trị tâm trộm cướp, dùng tâm hỷ để đối tri tâm tà dâm,

QUYỂN 32 981

dùng tâm xả để đối trị tâm nói dối thì các nghiệp có hạn lượng, không thể đem so sánh được. Trong lúc Thế Tôn giảng nói pháp này, thôn trưởng Đao Sư Thị xa lìa trần câu, được pháp nhãn tịnh. Bây giờ9 thôn trưởng thây pháp, đăc pháp, giác ngộ giáo pháp, thể nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi ngờ, không nương ai khác, không do ai khác mà được độ thoát, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Ông ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Con đã được độ, con đã vượt thoát. Từ nay, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng? nguyện suôt đời làm ưu-bà-tăc. Thưa Thế Tôn! Ví như có người muốn có ánh sáng đèn, liền dùng đuôi ngựa để làm tim đèn; người ấy muốn thổi cho lửa cháy sáng, nhưng cuối cùng thì không thể cháy sáng, chỉ luống công nhọc sức mình chứ đèn không bao giờ sáng. Con cũng như vậy, muốn tìm minh trí nơi các Ni-kiền tử si mê nên đã thân cận, hòa hợp và phụng sự một cách ngu si, uổng công nhọc sức mình mà chẳng có được minh trí. Thế nên, nay con lại xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Ty-kheo-tang. Từ nay trở đi, đối với đường lối của Ni-kiền tử ngu si, bất thiện, thiếu hiểu biết kia, con không

còn tin, không còn kính, không còn nghĩ đến, không còn yêu mên, nhát định xa lìa họ. Vì thê, nay lân thứ ba con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng? nguyện suốt đời làm iru-bà-tắc, tự làm thanh tịnh tâm mình. Bây giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

917. BA LOẠI NGỰA ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC52 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. , Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Thê gian có ba loại ngựa được điêu phục. Là ba loại nào? Có loại ngựa sự nhanh nhẹn đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ và hình thể không đầy đủ; có loại ngựa sắc đầy đủ, sự nhanh nhẹn đầy đủ? nhimg hình thể không đầy đủ; có loại ngựa sự nhanh nhẹn đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Cũng vậy, có ba hạng người được điều phục. Là ba hạng người nào? Có hạng người sự nhạy bén đầy đủ? nhưng sắc không đày đủ, hình dáng không đầy đủ; có hạng người sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình dáng không đầy đủ; có hạng người sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình dáng cũng đầy đủ.

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.917. 0232ỒỒ24). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.918. Ổ232c29ỵ Biêt Tạp.(r.02. 0100.143. 0428ỒỒ04); Biết Tạp.(r.ối 0100.144. 0428cl6);4 3.140I. 287; A 3.141 -1. 289; A. 9.22 - IV. 397.

Này các Tỳ-kheo! Thế nào là hạng người chưa được điều phục, dù có sự nhạy bén đầy đủ, sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ? Đó là hạng người biết như thật rằng: “Dây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diệt y Quán sát như vậy mà đoạn trừ ba kiết sử là thân kiến, giới thủ và nghi. Khi đã đoạn sạch ba kiết sử này thì được quả Tu-đà- hoàn, không còn đọa vào đường ác, quyết định thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần trở lại cõi trời, cõi người, rồi sau đó hoàn toàn vượt thoát khổ đau. Đây gọi là người nhạy bén đầy đủ. Thế nào là người sắc không đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận và Luật thì không thể dùng lời nói và diệu nghĩa đầy đủ rồi giải thích trọn vẹn theo thứ tự. Đây gọi là hạng người sắc không đầy đủ. Thế 9 A nào là người hình thê không đây đủ? Nghĩa là hạng người không có đức độ và tiêng tăm đê khiên cho thí chủ phát tâm cúng dường các món cân dùng như là y phục, thực phàm, giường năm, thuôc thang... Đây gọi là người nhạy bén đây đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ. Thế nào là hạng người có sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ nhimg hình thể không đầy đủ? Đó là hạng người biết như thật rằng: "Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diệt... (cho đến) hoàn toàn vượt thoát khổ đau. Đây là hạng người nhạy bén đầy đủ. Thế nào là người sắc đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận và Luật... (cho đến) có thể vì họ mà giải thích. Đây gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là người hình thể không đầy đủ? Nghĩa là người không có đức độ lớn và tiếng tăm để khiến cho thí chủ phát tâm cúng dường các món cân dùng như là y phục, thực phàm, giường năm, thuôc thang... Đây gọi là hạng nhạy bén đây đủ, săc đây đủ, nhung hình thê không đầy đủ. Thế nào là hạng người có sự nhạy bén đầy đủ9 có sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ? Đó là hạng người biết như thật rằng: “Bây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là

con đường đưa đến khổ diệt... (cho đến) hoàn toàn vượt thoát kho đau. Đây là hạng người có sự nhạy bén đầy đủ. Thế nào là người có sắc đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận và Luật... (cho đến) có thể vì họ mà giải thích. Đây gọi là người có sắc đầy đủ. Thế nào là người có hình thể đầy đủ? Đó là người có đức độ và tiếng tăm... {cho đen) giường nam, thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là người có hình thể đầy đủ. Như vậy gọi là người có sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

QUYỂN 32 983

918. BA LOẠI NGỰA TỐT53 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế gian có ba loại ngựa hay. Là ba loại nào? Có loại ngựa nhanh nhẹn đầy đủ, nhung sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhẹn đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhẹn đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. ở trong Chánh pháp và Giới luật của Như Lai cũng có ba hàng thiện nam. Là ba hàng thiện nam nào? Đó là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, nhưng sắc không đay đủ, hình the không đầy đủ; có hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ9 nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ? Đó là hàng thiện nam biết như thật Thánh đế về khổ, biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết như thật Thánh đế về khổ diệt và biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân hận. Sau khi đã đoạn được năm hạ phần kiết sử này rồi, vi ấy được Sanh Bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không còn sanh lại cõi đời e e \ : r r * \ này nữa. Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đây đủ. Thê nào là săc không đây đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận, về Luật thì họ không có khả năng dùng lời lẽ và diệu nghĩa để lần lượt theo đó mà định đoạt giải thích. Đây gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Nghĩa là hạng người không CÓ đức độ và tiêng tăm đê khiên cho thí chủ phát tâm cúng dường các món cân dùng như là y phục, thực phẩm, thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ. Thê nào là hàng thiện nam nhạy bén đây đủ5 sác đây đủ? nhưng hình thê không đầy đủ? Đó là hàng thiện nam khéo biết như thật Thánh đế về khổ này... r r e (cho đên) đạt được Sanh Bát-niêt-bàn, chứng A-na-hàm, không còn sanh lại cõi đời này nữa. Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có săc đây đủ? Nghĩa là nêu có người hỏi vê Luận, vê Luật thì họ có khả năng dùng lời lẽ và diệu nghĩa đê lân lượt theo đó mà quyêt định giải thích. Đây gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam hình thể không đầy đủ? Nghĩa là người không có đức độ và tiếng tăm để khiến cho thí chủ phát tâm cúng dường các món cần dùng như là y phục, thực phẩm, thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là hàng thiện nam có nhạy bén đây đủ? sác đây đủ, nhimg hình thê không đây đủ.

53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.918. 0232c29). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.144. 0428cl6);^. 37138 - L 289.

Thế nào là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ? Đó là hàng thiện nam khéo biết như thật Thánh đế về khổ này... (cho đến) đạt được Sanh Bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không còn sanh lại cõi đời này nữa. Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sắc đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận, về Luật... (cho đến) khéo vì họ mà giải thích. Đây gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là có hình thể đày đủ? Nghĩa là người có đức độ và tiếng tăm có thể khiến cho thí chủ phát tâm cúng dường các vật dụng cần dùng... (cho đên) thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là thiện nam có hình thể đầy đủ. Đây gọi là hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.54

54 Bản Hán, hết quyển 32.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.